

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010
đến ngày 30 tháng 06 năm 2010**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 18



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Số 18 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Bùi Ngọc Thắng	Chủ tịch
Ông Phạm Quang Huy	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 26/05/2010)
Ông Nguyễn Việt Hà	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 26/05/2010)
Ông Nguyễn Hoàng Nam	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 26/05/2010)
Ông Vũ Thành Lê	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 28/01/2010, miễn nhiệm ngày 26/05/2010)
Ông Đỗ Tuấn Bình	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 28/01/2010, miễn nhiệm ngày 26/05/2010)
Ông Trần Minh Hoàng	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 28/01/2010, miễn nhiệm ngày 26/05/2010)
Ông Trịnh An Huy	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 26/05/2010)
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 28/01/2010)
Bà Hà Lan	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 28/01/2010)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Quang Huy	Tổng Giám đốc
Ông Trần Hùng Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Hưng	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định hiện hành về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Phạm Quang Huy
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 7 năm 2010

Số: 06 /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Các Cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI)

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2010 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (gọi tắt là “Công ty”) cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo tài chính tới Thuyết minh số 23 - “Số liệu so sánh” của phần Thuyết minh báo cáo tài chính. Dự phòng giảm giá chứng khoán tự doanh của Công ty tại ngày 31/12/2008 được trích lập dựa trên giả ước tính có thể giao dịch được. Nếu Công ty ghi nhận khoản dự phòng giảm giá chứng khoán tự doanh theo các quy định hiện hành tại thời điểm 31/12/2008, lợi nhuận trước thuế của năm 2008 sẽ giảm đi 91.020.634.400 đồng và lợi nhuận trước thuế của kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2009 đến 30/06/2009 sẽ tăng lên một khoản tương ứng.



Phạm Hoài Nam
Phó Tổng giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0042/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 16 tháng 7 năm 2010
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Đặng Văn Khải
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0758/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Số 18 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010

đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

MẪU SỐ B 01-CTCK

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2010	31/12/2009
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		996.842.283.328	1.017.438.378.066
(100=110+120+130+140+150)				
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	379.372.916.578	337.412.062.234
1. Tiền	111		377.372.916.578	331.412.062.234
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.000.000.000	6.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	481.997.128.705	497.046.152.182
1. Đầu tư ngắn hạn	121		491.130.897.079	499.051.504.980
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(9.133.768.374)	(2.005.352.798)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		124.015.022.688	180.191.913.096
1. Phải thu khách hàng	131	6	14.476.704.147	50.757.916.302
2. Trả trước cho người bán	132		6.269.450.798	394.193.422
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135	7	1.841.732.333	28.972.060.000
4. Các khoản phải thu khác	138	8	101.427.135.410	100.067.743.372
IV. Hàng tồn kho	140		262.281.284	2.349.999
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		11.194.934.073	2.785.900.555
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.742.323.448	2.133.214.040
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		21.961.349	-
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		-	85.580.739
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		8.430.649.276	567.105.776
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		23.876.683.599	68.386.901.159
I. Tài sản cố định	220		19.489.869.305	17.757.986.865
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	12.696.286.032	10.513.183.269
- Nguyên giá	222		18.407.565.442	14.953.671.007
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.711.279.410)	(4.440.487.738)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	6.643.583.273	1.246.867.596
- Nguyên giá	228		8.032.933.480	1.925.250.830
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.389.350.207)	(678.383.234)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		150.000.000	5.997.936.000
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	11	-	48.232.100.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258		-	51.714.600.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	(3.482.500.000)
III. Tài sản dài hạn khác	260		4.386.814.294	2.396.814.294
1. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263		880.817.684	880.817.684
2. Tài sản dài hạn khác	268		3.505.996.610	1.515.996.610
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.020.718.966.927	1.085.825.279.225

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 18 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

MẪU SỐ B 01-CTCK
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2010	31/12/2009
A - NỢ PHẢI TRẢ (300=310)	300		468.187.023.246	664.460.348.566
I. Nợ ngắn hạn	310		468.187.023.246	664.460.348.566
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	300.000.000.000
2. Phải trả người bán	312		80.979.252	45.275.000
3. Người mua trả tiền trước	313		700.706.645	265.706.645
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	9.802.828.971	286.233.615
5. Phải trả người lao động	315		1.223.824.414	5.835.943.488
6. Chi phí phải trả	316		4.593.334.960	19.101.907.076
7. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320		314.438.486.377	195.396.879.823
8. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		17.948.629.129	6.390.215.213
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	328	13	119.398.233.498	137.138.187.706
B - NGUỒN VỐN (400=410+430)	400		552.531.943.681	421.364.930.659
I. Vốn chủ sở hữu	410	14	551.312.721.200	421.789.278.577
1. Vốn điều lệ	411		485.000.000.000	397.250.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		27.055.378.000	22.000.000.000
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		257.656.762	257.656.762
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		38.999.686.438	2.281.621.815
II. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	430		1.219.222.481	(424.347.918)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.020.718.966.927	1.085.825.279.225

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Mã số	30/06/2010 VND	31/12/2009 VND
1. Chứng khoán lưu ký	006	3.153.718.830.000	1.696.867.730.000
1.1. Chứng khoán giao dịch	007	3.153.718.830.000	1.696.867.730.000
1.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	7.444.440.000	1.373.720.000
1.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	3.136.146.590.000	1.695.494.010.000
1.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010	10.127.800.000	-
1.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012	-	-
1.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	013	-	-
2. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	050	34.679.650.000	-



Phạm Quang Huy
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 7 năm 2010

[Signature]

Hoàng Trung Kiên
PGĐ Phụ trách ban TCKT

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

MẪU SỐ B 02-CTCK

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
1. Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	01		112.675.558.629	41.158.364.374
Doanh thu môi giới chứng khoán cho người đầu tư	01.1		15.622.887.281	3.130.714.840
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		33.866.609.150	17.872.575.786
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		8.232.118.553	499.090.909
Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		2.700.171.346	600.140.751
Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá	01.7		-	1.929.000
Doanh thu khác	01.9	16	52.253.772.299	19.053.913.088
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10		112.675.558.629	41.158.364.374
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	15	37.630.513.214	94.920.704.727
5. Lợi nhuận gộp/(lỗ) của hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20		75.045.045.415	(53.762.340.353)
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		24.153.270.394	12.908.987.390
7. Lợi nhuận thuần/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh (30=20-25)	30		50.891.775.021	(66.671.327.743)
8. Thu nhập khác	31		1.200.000	154.039.008
9. Chi phí khác	32		-	-
10. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1.200.000	154.039.008
11. Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50=30+40)	50		50.892.975.021	(66.517.288.735)
12. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	51	17	12.250.562.480	-
13. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		38.642.412.541	(66.517.288.735)
14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		919	



Phạm Quang Huy
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 7 năm 2010

Hoàng Trung Kiên
PGĐ Phụ trách ban TCKT

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

MẪU SỐ B 03-CTCK

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận (Lỗ) trước thuế	01	50.892.975.021	(66.517.288.735)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	1.981.758.645	2.297.912.618
Các khoản dự phòng	03	3.645.915.576	48.684.944.666
(Lỗ) từ hoạt động đầu tư	05	-	(17.872.575.786)
Chi phí lãi vay	06	19.756.280.240	8.400.000.000
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	76.276.929.482	(25.007.007.237)
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(18.587.328.192)	11.450.738.764
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(259.931.285)	212.240.208
Tăng các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	108.385.738.327	207.339.692.848
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước và tài sản ngắn hạn khác	12	124.100.867.883	(104.919.323.511)
Tiền lãi vay đã trả	13	(33.441.215.239)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(3.374.691.128)	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(2.270.777.519)	(14.767.363)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	250.829.592.329	89.061.573.709
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(3.563.641.085)	(2.667.042.413)
2. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	29.440.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.889.525.100	15.688.025.786
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.674.115.985)	42.460.983.373
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	92.805.378.000	-
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(300.000.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(207.194.622.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	41.960.854.344	131.522.557.082
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu kỳ	60	337.412.062.234	131.212.033.916
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60)	70	379.372.916.578	262.734.590.998



Phạm Quang Huy
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 7 năm 2010

Hoàng Trung Kiên
PGĐ Phụ trách ban TCKT